

Chống sét lan truyền iPRD

Chống sét lan truyền kiểu 2 or 3 LV kéo ra được

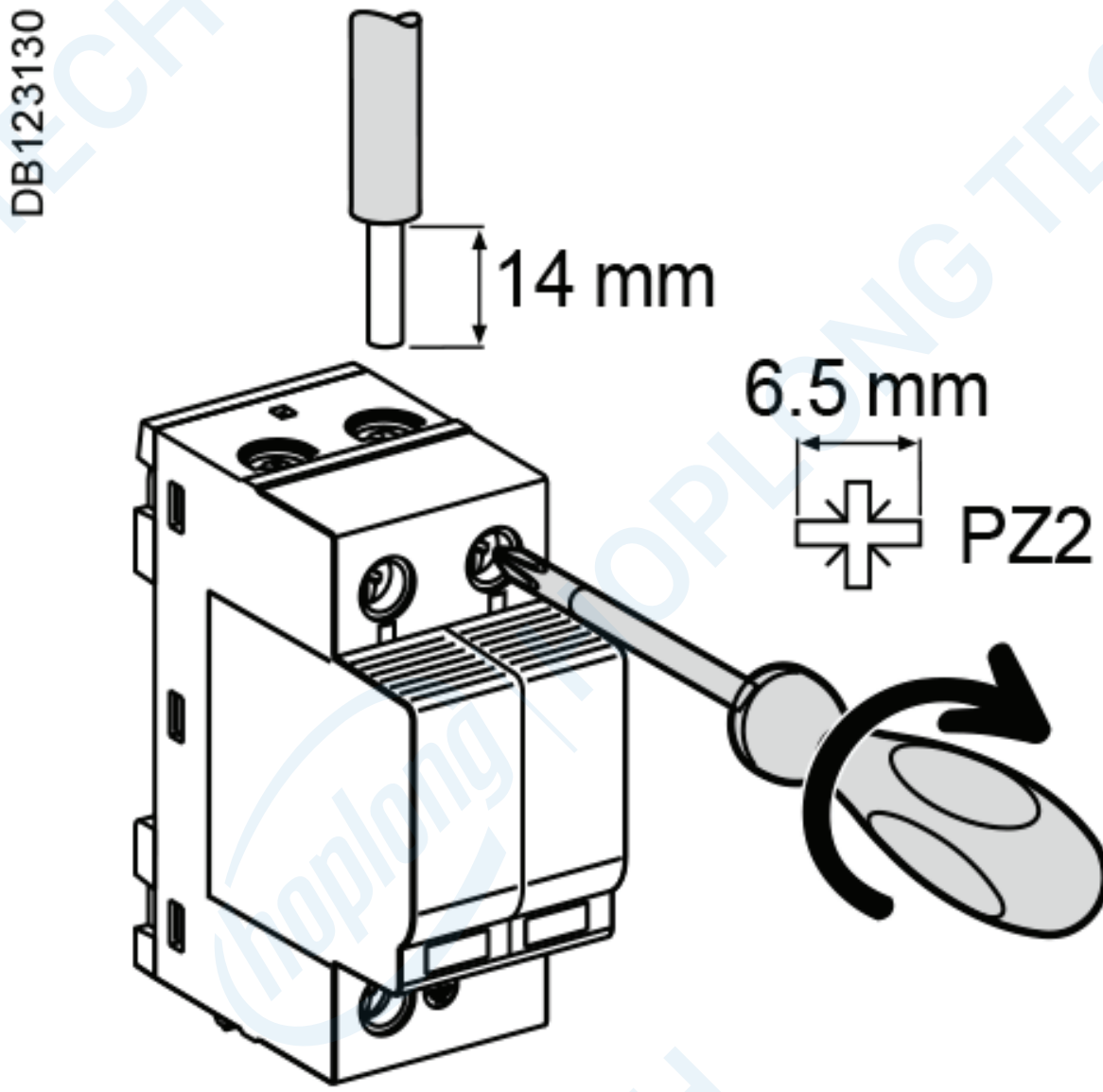
Bộ chống sét iPRD có thể rút ra được cho phép thay thế nhanh chóng các hộp phụ từng bị hỏng

Dòng điện phóng định mức (Imax)/ Dòng điện phóng danh định (In)		Cấp bảo vệ		Network				
				DB122942	DB122943			
	Đầu vào	Thứ cấp	1P+N	3P+N	1P	2P	3P	4P
65 kA / 20 kA								
Mức độ rủi ro rất cao (vị trí tiếp xúc cao)	iPRD65				A9L16555			
					A9L16556			
		A9L16557						
						A9L16442		
							A9L16558	
							A9L16443	
			A9L16559					
							A9L16659	
40 kA / 15 kA								
Rủi ro cao	iPRD40				A9L16561			
					A9L16566			
		A9L16562						
		A9L16567						
						A9L16444		
						A9L16667		
							A9L16445	
							A9L16568	
							A9L16563	
			A9L16564					
	A9L16569						A9L16664	
							A9L16669	
20 kA / 5 kA								
Độ rủi ro trung bình	iPRD20				A9L16571			
		A9L16672						
		A9L16572						
						A9L16446		
							A9L16447	
							A9L16573	
		A9L16674						
		A9L16574						
						A9L16599		
						A9L16673		
8 kA / 2.5 kA								
Bảo vệ thứ cấp: Đặt tải cần bảo vệ khi chúng ở khoảng cách không quá 30m từ đầu vào bộ chống sét	iPRD8				A9L16576			
		A9L16677						
		A9L16577						
						A9L16448		
							A9L16449	
							A9L16578	
		A9L16679						
A9L16579								
						A9L16678		
						A9L16680		

Hộp phụ tùng		
Kiểu	Hộp phụ tùng cho	Cat. no
C 65-460	iPRD65r IT	A9L16682
C 65-340	iPRD65r	A9L16681
C 40-460	iPRD40r IT	A9L16684
C 40-340	iPRD40, iPRD40r	A9L16685
C 20-460	iPRD20r IT	A9L16686
C 20-340	iPRD20, iPRD20r	A9L16687
C 8-460	iPRD8r IT	A9L16688
C 8-340	iPRD8, iPRD8r	A9L16689
C neutral	All products	A9L16691

Kết hợp chống sét lan truyền/ bộ đóng ngắt	
Loại bộ chống sét	Kết hợp với bộ đóng ngắt (CB)
iPRD65	Curve C 50 A
iPRD40	Curve C 40 A
iPRD20	Curve C 25 A
iPRD8	Curve C 20 A

Kết nối



Type	Tightening torque	Copper cables	
		Rigid	Flexible or ferrule
iPRD	2 N.m		
		2.5 to 25 mm ²	2.5 to 16 mm ²

Thông số kỹ thuật

Các đặc điểm chính		
Tần số hoạt động	50/60 Hz	
Điện áp hoạt động (Ue)	230/400 V AC	
Dòng điện hoạt động không đổi (Ic)	< 1 mA	
Thời gian đáp ứng	< 25 ns	
Thông báo hết hạn sử dụng: bảng xanh lá/ đỏ chỉ thị cơ học	Trắng	Hoạt động
	Đỏ	Hết hạn sử dụng
Thông báo hết hạn từ xa	Tiếp xúc NO, NC 250 V / 0.25 A	
Đặc điểm bổ sung		
Nhiệt độ hoạt động	-25°C to +60°C	
Loại thiết bị đầu cuối kết nối	Lỗ đầu nối, 2.5 đến 35 mm²	
Tiêu chuẩn	IEC 61643-1 T2 và EN 61643-11 Kiểu 2	

Trọng lượng (g)

Chống sét lan truyền	
Kiểu	iPRD
1P	115
2P	220
3P	340
4P	450

Kích thước (mm)

